UBND HUYỆN TRÀNG ĐỊNH

KẾT QUẢ ĐIỂM THI VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số 189/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Tràng Định)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Số Báo danh	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tình độ chuyên môn		Điểm môn điều kiện			Điểm KTC (Hệ số 1)	Điểm viết Chuyên ngành (Hệ số 1)	Điểm Thực hành (Hệ số 2)			Tổng cộng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Tiếng anh	Tiếng dân tộc			Soạn	Giảng	Tổng cộng		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16=14+15*	***17=12+13+(16*2)***	
I	**CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**																
1	**Trường Mầm non xã Chi Lăng (01 TC)**																
1	Vi Thị Sen		02/11/1997	01	Thất Khê - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	80		57,5	6,5	67	26,5	32	58,5	**190,5**	
2	Lương Thị Thùy		20/12/1997	02	Tân Minh - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	44		55	3	3	40,5	36,75	77,25	**160,5**	
3	Trần Hà Mai		26/3/1996	03	Thất Khê - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	44		50	9	6,5	25,5	36	61,5	**138,5**	
4	Nguyễn Thị Uyên		04/01/1991	04	Kháng Chiến - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	40		60	40	2	25	33	58	**158**	
5	Bàn Huyền Trang		15/4/1997	05	Tân Yên - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Mầm non	44	58		1	6,25	34	36	70	**147,25**	
6	Chu Thúy Kiều		20/7/1996	06	Quốc Việt - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Mầm non	44	38		5	5,5	32	40	72	**154,5**	
7	Nông Thị Thu Ngà		17/6/1990	07	Thất Khê - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	36		50	3	5,5	40	35	75	**158,5**	
2	**Trường Mầm non nông thôn xã Đại Đồng (03 TC)**																
8	Lương Thị Xuyến		25/11/1995	08	Quốc Khánh- Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	56		51		1				**1**	
9	Hoàng Thu Mơ		04/9/1995	09	Chi Lăng - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	48		56	23	20,5	38	33,5	71,5	**186,5**	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Số Báo danh	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tình độ chuyên môn		Điểm môn điều kiện			Điểm KTC (Hệ số 1)	Điểm viết Chuyên ngành (Hệ số 1)	Điểm Thực hành (Hệ số 2)			Tổng cộng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Tiếng anh	Tiếng dân tộc			Soạn	Giảng	Tổng cộng		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16=14+15*	***17=12+13+(16*2)***	
10	Chu Thị Ngọc Ánh		01/4/1996	10	Chi Lăng - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	24		65	2	4	40,5	35,5	76	**158**	
11	Vi Thị Hòa		28/8/1994	11	Cao Minh - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non										Bỏ thi
12	Nguyễn Thu Huệ		23/10/1996	12	Hùng Sơn - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Mầm non	48		70	6	14,5	32,5	34	66,5	**153,5**	
13	Sầm Thị Hiệu		29/9/1996	13	Quốc Khánh- Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	36		67	6	7,5	41	39	80	**173,5**	
14	Lương Thị Ngọc Tuyết		03/8/1992	14	Tà Lùng - Phục Hòa - Cao Bằng	TC	Giáo dục Mầm non	40		60	6	4	31	34,5	65,5	**141**	
15	Nông Hồng Tấm		21/10/1993	15	Chi Lăng - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	72	62		13	3,5	35	32	67	**150,5**	
16	Nông Thị Thu Hoài		28/02/1996	16	Quốc Khánh- Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	48		55	8	3,5	34,5	32,5	67	**145,5**	
17	Nông Thị Ngoan		16/02/1996	17	Chí Minh - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	44		66	29,5	27,5	28	33,5	61,5	**180**	
18	Nguyễn Thị Kim Thành		30/9/1988	18	Đại Đồng - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	80	84		53	71	43	37	80	**284**	Dự kiến trúng tuyển
19	Hoàng Hải Yến		23/7/1997	19	Chi Lăng - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	80	84		63	64	38,5	40,25	78,75	**284,5**	Dự kiến trúng tuyển
20	Nông Thị Hiền		24/02/1989	20	Đại Đồng - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	52		65,5	14,5	10,5	18	28,25	46,25	**117,5**	
21	Trương Thị Thắm		13/3/1992	21	Đào Viên - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	80		59	34,5	12	33,5	34,25	67,75	**182**	
22	Hoàng Thị Oai		06/10/1997	22	Hữu Lễ - Văn Quan - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	32		37,5	0	17	8	8,25	16,25	**49,5**	
23	Hoàng Ánh Nguyệt		12/8/1995	23	Đại Đồng - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	40		51	37	63,5	40,5	37,25	77,75	**256**	
24	Ma Thị Nhi		16/6/1995	24	Quốc Khánh- Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Mầm non	76	62		4,5	87,5	31	31,75	62,75	**217,5**	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Số Báo danh	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tình độ chuyên môn		Điểm môn điều kiện			Điểm KTC (Hệ số 1)	Điểm viết Chuyên ngành (Hệ số 1)	Điểm Thực hành (Hệ số 2)			Tổng cộng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Tiếng anh	Tiếng dân tộc			Soạn	Giảng	Tổng cộng		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16=14+15*	***17=12+13+(16*2)***	
25	Đàm Thị Hợi		01/9/1993	25	Tri Phương - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	88	72		9	80,5	31,5	34,5	66	**221,5**	
26	Ma Thị Nhị		14/4/1992	26	Đại Đồng - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	84	78		37	83	33	42	75	**270**	
3	**Trường Mầm non Đề Thám (01 TC)**																
27	Lê Thị Tâm		01/7/1991	27	Đề Thám - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	68		70,5	13	55,5	28,5	32,5	61	**190,5**	
28	Nông Thị Nhị		23/8/1993	28	Đại Đồng - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Mầm non	76	84		78,5	93,25	43	44,5	87,5	**346,75**	Dự kiến trúng tuyển
29	Hà Thị Nhung		24/9/1995	29	Đào Viên - Tràng Định - Lạng Sơn	ĐH	Giáo dục Mầm non	52		70,5	13,5	68,75	26,5	24,5	51	**184,25**	
30	Đoàn Thị Kim Thanh		16/5/1994	30	Hùng Sơn - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Mầm non	36		59	7	46,75	28	35,75	63,75	**181,25**	
31	Nông Thị Nga		16/01/1992	31	Chi Lăng - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	72	76		42	62	39	33,5	72,5	**249**	
4	**Trường Mầm non Tri Phương (01 TC)**																
32	Ma Thu Hương		08/11/1994	32	Quốc Khánh - Tràng Định - Lạng Sơn	ĐH	Giáo dục Mầm non	40		81	7,5	32,5	39	35,5	74,5	**189**	
33	Đinh Thị Phượng		04/9/1996	33	Quốc Khánh - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	44		68	1	3	38	28,75	66,75	**137,5**	
34	Đinh Thị Đoan		08/11/1997	34	Tri Phương - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Mầm non	60		50	0	3	35,5	26,5	62	**127**	
35	Nông Thị Ngọc Trâm		22/8/1994	35	Đại Đồng - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	60		50	8	13	30	19,25	49,25	**119,5**	Trừ 20% điểm môn viết CN (16,25 điểm còn 13 điểm)
36	Đinh Thị Lê		11/10/1994	36	Tri Phương - Tràng Định - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	68		67,5	0	53,25	42,5	41,25	83,75	**220,75**	
37	Hoàng Thị Vân		06/12/1994	78	Thị trấn Bình Gia - Bình Gia - Lạng Sơn	TC	Sư phạm Mầm non	60	60		4	1	28,5	27,75	56,25	**117,5**	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Số Báo danh	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tình độ chuyên môn		Điểm môn điều kiện			Điểm KTC (Hệ số 1)	Điểm viết Chuyên ngành (Hệ số 1)	Điểm Thực hành (Hệ số 2)			Tổng cộng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Tiếng anh	Tiếng dân tộc			Soạn	Giảng	Tổng cộng		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16=14+15*	***17=12+13+(16*2)***	
II	**CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**																
1	**Trường Tiểu học thị trấn Thất Khê (01 CĐ)**																
38	Mạc Thị Yến		23/3/1995	37	Lạng San - Na Rì - Bắc Cạn	CĐ	Sư phạm Tiểu học	44		82,5		1				**1**	
39	Hoàng Thị Thu Hoài		24/7/1989	38	Hoàng Văn Thụ - Bình Gia - Lạng Sơn	ĐH	Giáo dục Tiểu học	68		67,5	54,25	50	31	35,5	66,5	**237,25**	Dự kiến trúng tuyển
40	Nông Thị Hạnh		13/01/1990	39	Tân Tiến - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Tiểu học	80		52,5	50,5	50	26	36,5	62,5	**225,5**	
2	**Trường Tiểu học xã Đào Viên (01 CĐ)**																
41	Mẫn Thu Hương		28/7/1990	40	Kim Đồng - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Tiểu học	76		60	38	98	44	40,5	84,5	**305**	
42	Chu Thị Lê		10/6/1987	41	Chiến Thắng - Bắc Sơn - Lạng Sơn	CĐ	Sư phạm Tiểu học	28		52,5	51,5	2,5	18,25	27,5	45,75	**145,5**	
43	Lương Thị Hồng Như		12/11/1995	42	Đồng Ý - Bắc Sơn - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Tiểu học	88	72		52,5	89,5	39	45,75	84,75	**311,5**	
44	Nông Thị Hà		30/12/1994	43	Thiện Thuật - Bình Gia - Lạng Sơn	ĐH	Giáo dục Tiểu học	56	68		50,25	53	30	32,25	62,25	**227,75**	
45	Sầm Thị Hiệu		22/4/1994	44	Quốc Khánh - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Tiểu học	88		82,5	75,5	85	48	44,75	92,75	**346**	Dự kiến trúng tuyển
3	**Trường Tiểu học xã Đề Thám (02 CĐ)**																
46	Nông Thị Thương		07/6/1991	45	Đề Thám - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Tiểu học	52		67,5	8,5	9,75	34,5	38,5	73	**164,25**	
47	Nguyễn Quỳnh Hoa		14/8/1994	46	Thất Khê - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Tiểu học	52		60		3			0	**3**	
48	Hoàng Thị Thu		16/7/1996	47	Hoa Thám - Bình Gia - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Tiểu học	32		50	8,5	1,75	26	29,5	55,5	**121,25**	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Số Báo danh	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tình độ chuyên môn		Điểm môn điều kiện			Điểm KTC (Hệ số 1)	Điểm viết Chuyên ngành (Hệ số 1)	Điểm Thực hành (Hệ số 2)			Tổng cộng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Tiếng anh	Tiếng dân tộc			Soạn	Giảng	Tổng cộng		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16=14+15*	***17=12+13+(16*2)***	
49	Hoàng Thị Đào		26/02/1989	48	Đề thám - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	SP Giáo dục Tiểu học	52		50	0,5	0,75	32,5	35	67,5	**136,25**	
50	Mã Thị Luyến		23/6/1995	49	Tri Phương - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Tiểu học	92	84		86	69,5	39,75	46,25	86	**327,5**	Dự kiến trúng tuyển
51	Vi Ái Vân		14/10/1993	50	Đại Đồng - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Tiểu học	60		75	22,5	16,25	29	30,25	59,25	**157,25**	
52	Trần Thị Thiêm		10/9/1993	51	Trung Thành - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Tiểu học	52	72		24	19,5	18	32,25	50,25	**144**	
53	Lăng Thị Bích Chầm		02/12/1996	52	Minh Khai - Bình Gia - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Tiểu học	56		70	16	26,5	36,5	42,25	78,75	**200**	
54	Vi Thị Hằng		14/5/1996	53	Bình La - Bình Gia - Lạng Sơn	ĐH	Giáo dục Tiểu học	56		52,5	8,5	14,5	32,5	35	67,5	**158**	
55	Nguyễn Lan Nhi		15/10/1992	79	Thị trấn Lộc Bình - Lộc Bình - Lạng Sơn	CĐ	SP Giáo dục Tiểu học	88	96		50	83	33,5	37,75	71,25	**275,5**	Dự kiến trúng tuyển
4	**Trường Tiểu học Khánh Hòa (01 CĐ)**																
56	Nguyễn Mai Hương		07/9/1992	54	Thất khê - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	SP Giáo dục Tiểu học	88	76		62	66	39	40,75	79,75	**287,5**	Dự kiến trúng tuyển
5	**Trường Tiểu học xã Quốc Việt (02 CĐ)**																
57	Đường Hồng Hạnh		24/01/1996	55	Thất Khê - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Tiểu học	32		75	7	11,5	40	35,25	75,25	**169**	
58	Bế Hà Trang		06/9/1989	56	Hùng Việt - Tràng Định - Lạng Sơn	ĐH	Giáo dục Tiểu học										Bỏ Thi
59	Lương Thị Ngọc		05/02/1988	57	Đại Đồng - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Tiểu học	64		55	12,5	4,75	30	27,75	57,75	**132,75**	
60	Hà Thị Duyên		17/10/1987	58	Đào Viên - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	SP Giáo dục Tiểu học	16		67,5	7	30	26,5	27,25	53,75	**144,5**	
61	Vi Thị Lý		07/02/1989	59	Tú Xuyên - Văn Quan - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Tiểu học	32		60	3	5,5	8	25	33	**74,5**	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Số Báo danh	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tình độ chuyên môn		Điểm môn điều kiện			Điểm KTC (Hệ số 1)	Điểm viết Chuyên ngành (Hệ số 1)	Điểm Thực hành (Hệ số 2)			Tổng cộng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Tiếng anh	Tiếng dân tộc			Soạn	Giảng	Tổng cộng		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16=14+15*	***17=12+13+(16*2)***	
62	Triệu Thị Yến		17/3/1993	60	Kim Lư - Na Rì - Bắc Cạn	CĐ	SP Giáo dục Tiểu học	24		52,5	11,5	36,5	16,5	26,5	43	**134**	
63	Nguyễn Bích Liên		13/9/1993	61	Thất Khê - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Tiểu học	88	84		50,5	81,5	43	45,5	88,5	**309**	Dự kiến trúng tuyển
64	Bế Thị Tuyết		15/5/1989	62	Thất Khê - Tràng Định - Lạng Sơn	ĐH	Giáo dục Tiểu học	16		70	23	10	34		34	**101**	
65	Trương Thị Thu		13/10/1992	63	Đào Viên - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Tiểu học	32	72		20	61	28,5	35	63,5	**208**	
66	Lê Thị Phương Thảo		08/4/1995	64	Quốc Việt - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Giáo dục Tiểu học	36		75	15,5	1	34	34,25	68,25	**153**	
III	**CHUYÊN NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH**																
I	**Trường Tiểu học xã Chi Lăng (01 CĐ)**																
67	Lâm Thị Thu Ngà		20/10/1995	65	Minh Khai - Bình Gia - Lạng Sơn	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	72			44	73,25	21	28,5	49,5	**216,25**	
68	Nguyễn Hà Trang		05/4/1989	67	Thị trấn Bắc Sơn - Bắc Sơn - Lạng Sơn	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	76			32,5	56,5	19	32,5	51,5	**192**	
69	Lý Thị Ngọc		06/6/1995	68	Hòa Bình - Bình Gia - Lạng Sơn	CĐ	Sư phạm Tiếng Anh	68			10	25	32,5	34,5	67	**169**	
70	Hoàng Thị Ly		22/3/1992	69	Tân Tác - Văn Lãng - Lạng Sơn	CĐ	Sư phạm Tiếng Anh	84				0			0	**0**	
II	**Trường Tiểu học xã Hùng Sơn (01 CĐ)**																
71	Nông Lan Anh		28/02/1994	70	Quốc Khánh - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Sư phạm Tiếng Anh	92			32,5	12	37,5	42	79,5	**203,5**	
72	Hoàng Văn Long	11/11/1994		71	Hồng Phong - Bình Gia - Lạng Sơn	CĐ	Sư phạm Tiếng Anh	68			3,5	5	22,5	30,5	53	**114,5**	
73	Hoàng Thị Hành		07/7/1991	72	Tân Yên - Tràng Định - Lạng Sơn	CĐ	Sư phạm Tiếng Anh	88			77,5	81,5	39,5	44	83,5	**326**	Dự kiến trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Số Báo danh	Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tình độ chuyên môn		Điểm môn điều kiện			Điểm KTC (Hệ số 1)	Điểm viết Chuyên ngành (Hệ số 1)	Điểm Thực hành (Hệ số 2)			Tổng cộng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Tiếng anh	Tiếng dân tộc			Soạn	Giảng	Tổng cộng		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16=14+15*	***17=12+13+(16*2)***	
74	Hoàng Thị Vân Anh		20/5/1991	66	Chi Lăng - TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	CĐ	Sư phạm Tiếng Anh	68			28	9,25	32,5	37,5	70	**177,25**	
IV CHUYÊN NGÀNH SƯ PHẠM NGỮ VĂN																	
1 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX (01 CT)																	
76	Đinh Thị Loan		13/9/1993	73	Tri Phương - Tràng Định - Lạng sơn	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	64	54		32,5	20	24,5	34,5	59	**170,5**	
76	Quách Linh Trang		01/8/1988	74	Đại Đồng - Tràng Định - Lạng Sơn	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	88		85	96	88,5	40,5	47	87,5	**359,5**	Dự kiến trúng tuyển
77	Từ Quỳnh Trang		28/8/1993	75	Tân Minh - Tràng Định - Lạng Sơn	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	56		70	36	10	22,5	35,5	58	**162**	
78	Ma Thị Đẹp		17/3/1995	76	Trung Thành - Tràng Định - Lạng Sơn	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	36		73	6	7	26,5	37,5	64	**141**	
79	Từ Thị Thùy		17/12/1996	77	Tân Minh - Tràng Định - Lạng Sơn	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	64	66		36	16	32	42	74	**200**	

(Danh sách gồm: ***79*** ***thí sinh)***